

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN, LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tài chính hành vi_Đề 2		
Mã học phần:	DFB0171	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_DFB0171_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Cách thức nộp bài phân tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân biệt được các hiệu ứng tâm lý học ứng dụng để giải thích hành vi tài chính	Trắc nghiệm	25	1, 2, 5, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 17	2,5	PI 2.2
CLO2	Phân tích tác động của các hiệu ứng tâm lý lên các quyết định tài chính trong doanh nghiệp	Trắc nghiệm	35	3, 4, 6, 7, 8, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 26	3,5	PI 2.3
CLO3	Vận dụng tư duy phân biệt, phân tích để đưa ra các mối liên hệ giữa tâm lý học lên các hành vi trong các quyết định tài chính của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và đưa ra khuyến nghị.	Trắc nghiệm + Tự luận	40	8 trắc nghiệm: 10, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32; 2 tự luận: câu 1, câu 2	4,0	PI 5.3, A

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (32 câu hỏi + 8 điểm)

Câu 1: Tài chính hành vi là gì?

- A. Lĩnh vực nghiên cứu về hành vi của các cá nhân và tổ chức trong việc ra quyết định tài chính
- B. Lĩnh vực nghiên cứu về thị trường tài chính
- C. Lĩnh vực nghiên cứu về các công cụ tài chính
- D. Lĩnh vực nghiên cứu về lịch sử tài chính

ANSWER: A

Câu 2: Khái niệm "Hiệu ứng khung" (Framing Effect) trong tài chính hành vi là gì?

- A. Sự thiên vị về kết quả dựa trên cách thức thông tin được trình bày
- B. Sự ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu so với trái phiếu
- C. Sự thay đổi giá trị của tài sản theo thời gian
- D. Sự giảm giá trị của tiền tệ do lạm phát

ANSWER: A

Câu 3: Nhận định nào sau đây là đúng nhất về thị trường hiệu quả "Dạng mạnh"?

- A. Tất cả các thông tin liên quan đến chứng khoán, bao gồm cả thông tin nội gián cũng được phản ánh vào giá chứng khoán. Không có bất kỳ phân tích nào có thể đem lại lợi tức vượt trội cho nhà đầu tư. Sử dụng chiến lược quản lý danh mục thụ động.
- B. Giá của chứng khoán phản ánh thông tin công khai và toàn bộ thông tin hiện có liên quan tới chứng khoán.
- C. Giả định rằng giá chứng khoán đã phản ánh kịp thời toàn bộ thông tin có thể có được từ dữ liệu giao dịch trong quá khứ: giá, khối lượng giao dịch và tỉ suất thu nhập. Dữ liệu giá trong quá khứ được công khai và nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận. Giả sử nếu dữ liệu quá khứ thể hiện xu hướng trong tương lai, ngay lập tức các nhà đầu tư sẽ khai thác và sử dụng thông tin đó.
- D. Giả định rằng tất cả thông tin liên quan tới công ty đã được công bố rộng rãi và các thông tin quá khứ đều được phản ánh vào giá chứng khoán. Phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật đều không mang lại tỷ lệ lợi tức bất thường cho nhà đầu tư.

ANSWER: A

Câu 4: Một bong bóng xảy ra khi:

- A. Mức giá cao dường như được tạo ra bởi sự hào hứng của nhà giao dịch thay vì giá trị kinh tế cơ bản.
- B. Định giá cổ phiếu không tách biệt khỏi các giá trị kinh tế cơ bản.
- C. Mức giá cao trên thị trường phản ánh ngay lập tức các thông tin có sẵn thay vì giá trị kinh tế cơ bản.
- D. Mức giá cao dường như được tạo ra bởi niềm tin của nhà đầu tư không e ngại rủi ro.

ANSWER: A

Câu 5: Nếu doanh thu bán ra của 1 doanh phẩm đạt giá trị cực đại trong tháng, doanh nghiệp cũng sẽ cho rằng doanh thu tháng sau cũng sẽ hơn tháng này. Đây là biến thể nào của tự nghiệm?

- A. Ảo tưởng liên kết
- B. Phớt lờ xác suất cơ sở
- C. Ước lượng quá cao khả năng dự báo
- D. Sự sẵn có, tức thì và nổi trội

ANSWER: A

Câu 6: Khái niệm "Sự tự tin thái quá" (Overconfidence) thường dẫn đến hành vi nào trong tài chính hành vi?

- A. Đầu tư quá nhiều vào các công cụ tài chính rủi ro cao
- B. Tránh đầu tư vào các công cụ tài chính rủi ro cao
- C. Giữ nguyên danh mục đầu tư không thay đổi
- D. Đầu tư vào các công cụ tài chính an toàn

ANSWER: A

Câu 7: Khái niệm "Tính không đối xứng thông tin" (Information Asymmetry) có thể dẫn đến hiện tượng gì trong thị trường tài chính?

- A. Thị trường bị ảnh hưởng bởi thông tin không đầy đủ hoặc sai lệch
- B. Thị trường hoạt động hiệu quả
- C. Tất cả các nhà đầu tư có cùng mức độ thông tin
- D. Giá cả thị trường phản ánh đầy đủ thông tin

ANSWER: A

Câu 8: Trong tài chính hành vi, "Thuyết kì vọng" (Expectancy Theory) mô tả điều gì?

- A. Con người hành động dựa trên kỳ vọng của họ về kết quả
- B. Con người đánh giá các kết quả tài chính dựa trên sự thay đổi giá trị từ một điểm tham chiếu cụ thể
- C. Con người không có xu hướng chấp nhận rủi ro
- D. Con người luôn đưa ra các quyết định tài chính hợp lý

ANSWER: A

Câu 9: Trong những câu phát biểu dưới đây, phát biểu nào sai?

- A. Sự sai lệch càng giảm thiểu, khi một người cố gắng nhớ lại những nhận thức, những quan điểm trong quá khứ.
- B. Xung đột nhận thức là sự giảm thiểu, né tránh những mâu thuẫn trong tâm lý.
- C. Chúng ta tiếp thu nhận thức không chỉ qua những điều chúng ta nhìn thấy mà còn qua những điều lắng nghe được, bằng sự cảm tính, sự lý trí, vừa đặt tình cảm vừa có tính toán trong đó.
- D. Trong nhiều trường hợp, niềm tin gây ra những phản ứng cảm xúc.

ANSWER: A

Câu 10: Một nhà đầu tư không muốn bán cổ phiếu đang lỗ vì không muốn thừa nhận sai lầm của mình, hy vọng rằng giá sẽ phục hồi trong tương lai. Hành vi này được gọi là gì?

- A. Hiệu ứng tâm lý giảm thiểu rủi ro (loss aversion)
- B. Tự quy kết (self-attribution)
- C. Hiệu ứng dừng lỗ (stop-loss effect)
- D. Hiệu ứng điểm neo (anchoring effect)

ANSWER: A

Câu 11: Hãy chọn đáp án sai?

- A. Lệch lạc nội địa (home bias) là các nhà đầu tư nội địa định một tỷ trọng quá thấp cho các chứng khoán nội địa.
- B. Hành vi tài chính bắt nguồn từ sự quen thuộc là lệch lạc nội địa (home bias), tức là khuynh hướng đầu tư quá mức trong nội địa và tại địa phương từ đầu tư nội địa có thể xuất phát từ lợi thế thông tin.
- C. Neo quyết định khiến nhà đầu tư bị ảnh hưởng mạnh bởi các gợi ý sẵn có hoặc những đề xuất thay vì dựa vào ý kiến của giới chuyên môn hoặc của riêng họ.
- D. Các hành vi bám theo xu hướng (trend-following) hay theo đuổi quán tính giá (momentum-chasing) là một chiến lược phổ biến và cùng với việc phát hiện điểm đảo chiều, đây là điều cốt lõi của phong cách kỹ thuật.

ANSWER: A

Câu 12: Khái niệm "Thua lỗ đau khổ hơn lợi nhuận" (Loss Aversion) đề cập đến điều gì trong tài chính hành vi?

- A. Mất mát có tác động tiêu cực mạnh hơn so với tác động tích cực của lợi nhuận tương đương
- B. Lợi nhuận có tác động tích cực mạnh hơn so với tác động tiêu cực của mất mát tương đương
- C. Đầu tư vào các tài sản rủi ro cao có thể mang lại lợi nhuận lớn
- D. Đầu tư vào các tài sản an toàn để tránh mất mát

ANSWER: A

Câu 13: Trong những câu phát biểu dưới đây, phát biểu nào sai?

- A. Sự sai lệch càng giảm thiểu, khi một người cố gắng nhớ lại những nhận thức, những quan điểm trong quá khứ.
- B. Xung đột nhận thức là sự giảm thiểu, né tránh những mâu thuẫn trong tâm lý.
- C. Chúng ta tiếp thu nhận thức không chỉ qua những điều chúng ta nhìn thấy mà còn qua những điều lắng nghe được, bằng sự cảm tính, sự lý trí, vừa đặt tình cảm vừa có tính toán trong đó.
- D. Trong nhiều trường hợp, niềm tin gây ra những phản ứng cảm xúc.

ANSWER: A

Câu 14: Chọn đáp án sai

- A. Do sự quá tự tin chần chẫn vào giá trị của mình hơn so với người khác làm cho các nhà đầu tư quá tự tin giao dịch dưới mức.
- B. Vì sự đa dạng hóa thấp, những nhà đầu tư quá tự tin có xu hướng gánh chịu rủi ro cao hơn.
- C. Lệch lạc tự quy kết, lệch lạc nhận thức muộn, lệch lạc tự xác nhận làm tồi tệ hơn sự quá tự tin.
- D. Nhà đầu tư quá tự tin sẽ giảm mức độ đa dạng hóa.

ANSWER: A

Câu 15: Trong những câu phát biểu dưới đây, phát biểu nào đúng?

- A. Hiệu ứng thả neo (anchoring effect) là khi nhà đầu tư bị ảnh hưởng bởi một thông tin đầu tiên họ nhận được và sử dụng nó làm điểm tham chiếu cho các quyết định sau này.
- B. Lệch lạc tự quy kết (self-attribution bias) khiến nhà đầu tư cho rằng thành công của họ là do may mắn.
- C. Hiệu ứng sẵn có (availability bias) là khi nhà đầu tư chỉ chú ý đến các thông tin khó tìm.
- D. Hiệu ứng khung (framing effect) không ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư có kinh nghiệm.

ANSWER: A

Câu 16: Nhà đầu tư F đã từng thua lỗ nặng trong quá khứ khi đầu tư vào cổ phiếu của công ty G. Kể từ đó, anh ta luôn né tránh đầu tư vào cổ phiếu của công ty này mặc dù hiện tại công ty G đang có triển vọng tốt. Hành vi này là ví dụ của gì?

- A. Hiệu ứng vết rắn cắn (snake bite effect)
- B. Hiệu ứng tâm lý giảm thiểu rủi ro (loss aversion)
- C. Hiệu ứng điểm neo (anchoring effect)
- D. Hiệu ứng xác nhận (confirmation bias)

ANSWER: A

Câu 17: Bà A đầu tư 1 lô đất ở Vũng Tàu, hiện tại giá đất đã tăng 30% so với giá mua của 2 năm trước và đã đạt mức kỳ vọng bà A đặt ra khi đầu tư, tuy nhiên có thông tin của các chuyên gia bất động sản cho rằng khu vực này đất sẽ tăng mạnh trong thời gian tới nên bà A và các nhà đầu tư đang sở hữu đất ở đây đều quyết định không bán ở thời điểm hiện tại. Theo bạn trường hợp này là gì?

- A. Neo quyết định so với tính bầy đàn
- B. Xu hướng hành động
- C. Tự nghiệm theo tình huống điển hình
- D. Tự nghiệm sẵn có

ANSWER: A

Câu 18: Ảnh hưởng từ hiệu ứng điểm neo đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư chứng khoán?

- A. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả biến neo vào giá quá khứ như điểm tham chiếu và biến neo vào giá mua cổ phiếu đều có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân.
- B. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả biến neo vào giá quá khứ như điểm tham chiếu và biến neo vào giá mua cổ phiếu đều không ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân.
- C. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có biến neo vào giá quá khứ mới ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân.
- D. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có biến neo vào giá mua cổ phiếu mới ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân.

ANSWER: A

Câu 19: Năm 2022 mẹ bạn A trong thời gian rảnh đã tìm hiểu về chứng khoán, nhưng lần đầu tiên mẹ bạn A đầu tư vào cổ phiếu thì thua lỗ một khoản tiền nhỏ, rồi lần sau mẹ bạn A quyết định bán số cổ phiếu này để đầu tư qua cổ phiếu khác, sau một thời gian thì lại tiếp tục thất bại, mẹ bạn A quyết định bán và lấy tiền đó gửi vào Ngân hàng lấy tiền lời hàng tháng. Vậy mẹ bạn A đang có hiệu ứng tài chính hành vi nào?

- A. Hiệu ứng vết rấn cấn
- B. Hiệu ứng hoà vốn
- C. Sự tự kiểm soát
- D. Thu nhập ngoài kì vọng

ANSWER: A

Câu 20: Trong tài chính hành vi, "Tính thiếu kiên nhẫn" (Impatience) thường dẫn đến hành vi nào?

- A. Quyết định tài chính dựa trên mong muốn nhận được lợi ích nhanh chóng
- B. Đầu tư dài hạn với mục tiêu tăng trưởng ổn định
- C. Đa dạng hóa danh mục đầu tư để giảm rủi ro
- D. Đánh giá cao giá trị của tài sản trong tương lai

ANSWER: A

Câu 21: Chọn phát biểu sai:

- A. Hiệu ứng "sẵn có" (availability bias) chỉ ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư ngắn hạn.
- B. Hiệu ứng "tự tin quá mức" (overconfidence) là khi nhà đầu tư đánh giá cao khả năng thành công của mình và có xu hướng giao dịch nhiều hơn.
- C. Hiệu ứng "khung" (framing effect) có thể làm thay đổi cách nhà đầu tư nhận thức về rủi ro và lợi nhuận của một khoản đầu tư.
- D. Hiệu ứng "xác nhận" (confirmation bias) khiến nhà đầu tư tìm kiếm các thông tin ủng hộ quan điểm hiện tại của họ.

ANSWER: A

Câu 22: Theo lý thuyết của Modigliani-Miller, trong thị trường hoàn hảo:

- A. Việc chi trả cổ tức sẽ không ảnh hưởng tới giá trị doanh nghiệp

- B. Việc chi trả cổ tức làm gia tăng các khoản đầu tư
- C. Trong điều kiện không có thông tin bất cân xứng, sáp nhập công ty sẽ làm gia tăng các khoản đầu tư
- D. Trong điều kiện không có thuế, thay đổi tên công ty sẽ làm tăng giá trị doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 23: Giả sử nhà đầu tư Y nghe được tin đồn rằng công ty A đang gặp nhiều khó khăn trong việc kinh doanh và có thể đi đến bờ vực tuyên bố phá sản. Dựa trên thông tin này, nhà đầu tư Y đã xem xét sẽ bán cổ phiếu của công ty A với mức lỗ đáng kể ngay trước khi cổ phiếu quay đầu và tăng lên mức giá cao hơn. Khi Y lên mạng để đọc những tin tức mới nhất về công ty, Y chỉ đọc những bài báo nói về việc phá sản và bỏ qua câu chuyện về một sản phẩm mới mà công ty vừa tung ra dự kiến sẽ hoạt động tốt và giúp tăng doanh số. Hãy đưa ra cho nhà đầu tư Y lời khuyên trong trường hợp này

- A. Nhà đầu tư Y nên cố gắng xem lại cả những khoản đầu tư thành công và những thương vụ thua lỗ một cách khách quan nhất có thể.
- B. Nhà đầu tư Y nên bán gấp cổ phiếu để giữ cho mình an toàn trước sự giảm mạnh giá cổ phiếu A.
- C. Tìm kiếm lời khuyên từ các nhà đầu tư khác, nếu họ khuyên nên bán thì Y sẽ bán cổ phiếu A hoặc khuyên Y nên giữ lại cổ phiếu A chờ giá tăng lại thì Y sẽ giữ lại.
- D. Nhà đầu tư Y nên cố gắng xem lại cả những khoản đầu tư thành công và những thương vụ thua lỗ một cách khách quan nhất có thể; Tìm kiếm lời khuyên từ các nhà đầu tư khác, nếu họ khuyên nên bán thì Y sẽ bán cổ phiếu A hoặc khuyên Y nên giữ lại cổ phiếu A chờ giá tăng lại thì Y sẽ giữ lại.

ANSWER: A

Câu 24: Bà Ngân đầu tư vào 2 cổ phiếu CDL và DLH với tỷ trọng đầu tư lần lượt là 45%, 55% số vốn. Lãi suất phi rủi ro là 5%, phần bù rủi ro thị trường là 6%. Hệ số beta lần lượt của hai cổ phiếu là 1,17 và 2,34. Hệ số tương quan giữa hai cổ phiếu bằng 0,4, độ lệch chuẩn của hai cổ phiếu lần lượt là 0,2 và 0,3. Tỷ suất sinh lợi yêu cầu của danh mục đầu tư này là bao nhiêu?

- A. 15,88%
- B. 21,73%
- C. 12,02%
- D. 19,04%

ANSWER: A

Câu 25: Một dự án của công ty A có vốn đầu tư ban đầu là \$900 vòng đời dự án là năm năm, biết dự án không có giá trị thanh lý có dòng tiền thuần lần lượt là: \$400, (\$130), \$420, \$550, \$750. Biết hệ số chiết khấu của dự án là 10%. Giá trị thuần của dự án đầu tư là bao nhiêu, có nên thực hiện dự án không?

- A. \$513,10, dự án có NPV > 0 nên thực hiện dự án.
- B. \$354,17, dự án có NPV > 0 nên thực hiện dự án.
- C. \$567,24, dự án có NPV > 0 nên thực hiện dự án.
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 26: Các nhà đầu tư sau khi chốt lời hoặc cắt lỗ mã cổ phiếu nào đó sẽ thường nhanh chóng đưa ra quyết định mua một cổ phiếu khác một cách thiếu suy xét. Các giao dịch với tần xuất càng nhiều hiệu quả đầu tư sẽ càng giảm, không những gây phát sinh chi phí giao dịch mà hiệu quả của quyết định đầu tư bị giảm sút do thiếu mức độ tìm hiểu, phân tích. Hơn nữa, các “quyết định trong phiên” thường bị chi phối bởi các biến động thị trường, do đó nó thường là hệ quả của sự bốc đồng về tâm lý hơn là các quyết định đầu tư có lý trí; các công cụ phân tích kỹ thuật lại càng tiếp tay nhanh cho các quyết định kiểu này. Hãy đưa ra cách khắc phục hợp lý nhất trong thường hợp này?

- A. Hãy giao dịch ít hơn và đầu tư nhiều hơn. Khi kéo dài khoảng thời gian đầu tư, xây dựng danh mục mô phỏng theo chỉ số Index, kết hợp với việc nhận cổ tức đều đặn, nhà đầu tư mới có thể tích lũy tài sản ổn định qua các năm; Giữ lại lịch sử từng giao dịch cụ thể và tính toán hiệu quả của các giao dịch đó.
- B. Hãy giao dịch ít hơn và đầu tư nhiều hơn. Khi kéo dài khoảng thời gian đầu tư, xây dựng danh mục mô phỏng theo chỉ số Index, kết hợp với việc nhận cổ tức đều đặn, nhà đầu tư mới có thể tích lũy tài sản ổn định qua các năm.
- C. Giao dịch nhiều hơn nữa để nắm được quy luật đầu tư, từ đó rút ra kinh nghiệm cho những lần giao dịch sau.
- D. Giữ lại lịch sử từng giao dịch cụ thể và tính toán hiệu quả của các giao dịch đó.

ANSWER: A

Câu 27: Trong tài chính hành vi, "Thuyết triển vọng" (Prospect Theory) của Kahneman và Tversky mô tả điều gì?

- A. Con người đánh giá các kết quả tài chính dựa trên sự thay đổi giá trị từ một điểm tham chiếu cụ thể
- B. Con người đánh giá các kết quả tài chính dựa trên giá trị kỳ vọng
- C. Con người không có xu hướng chấp nhận rủi ro
- D. Con người luôn đưa ra các quyết định tài chính hợp lý

ANSWER: A

Câu 28: Hãy dựa vào bảng số liệu bên dưới, hãy cho biết nhà đầu tư các nước dưới đây có xu hướng hành vi như thế nào?

	NĐT Mỹ	NĐT Anh	NĐT Pháp
Nước Mỹ	6,5%	4,1%	4,5%
Nước Anh	4,5%	9,6%	5,1%
Nước Pháp	4,3%	5,3%	7%

- A. Các nhà đầu tư chủ yếu đầu tư và nắm giữ cổ phiếu của nước mình.
- B. Các nhà đầu tư phân bổ tỷ trọng đầu tư như nhau ở các quốc gia.
- C. Các nhà đầu tư e ngại rủi ro.

D. Các nhà đầu tư thích rủi ro và đa dạng hóa danh mục.

ANSWER: A

Câu 29: Những người đa dạng hóa danh mục đầu tư thấp sẽ đưa ra các quyết định tài chính như thế nào?

A. Rất nhanh chóng xác định 1 tỷ trọng quá cao/ thấp cho các chứng khoán khi họ nhận thấy một tín hiệu tích cực/ tiêu cực và kết quả là sự đa dạng hóa danh mục không đầy đủ.

B. Rất nhanh chóng xác định 1 tỷ trọng quá cao cho các chứng khoán khi họ nhận thấy một tín hiệu tích cực và kết quả là sự đa dạng hóa danh mục không đầy đủ.

C. Rất nhanh chóng xác định 1 tỷ trọng quá thấp cho các chứng khoán khi họ nhận thấy một tín hiệu tiêu cực và kết quả là sự đa dạng hóa danh mục không đầy đủ.

D. Rất nhanh chóng xác định 1 tỷ trọng quá thấp/ cao cho các chứng khoán khi họ nhận thấy một tín hiệu tích cực/ tiêu cực và kết quả là sự đa dạng hóa danh mục không đầy đủ.

ANSWER: A

Câu 30: Tình huống: SNAP INC (SNAP) cổ phiếu của công ty dịch vụ công nghệ được đánh giá sức mua tăng dường như bị định giá thấp vì giao dịch của nó ở mức thấp trong 4 năm gần đây cụ thể 25, 29, 32, 35 USD là rất kém so với các công ty cùng ngành, biên độ tăng giá không cao mặc dù EPS đã tăng gần gấp đôi từ 1,98 USD năm 2016 lên ước tính 2,98 USD trong năm tài chính 2020. Ngoài việc cổ phiếu SNAP có giá trị thấp tương đối so với giá trị thị trường và cổ tức nhận được nhưng bù lại ước tính tăng trưởng thu nhập ổn định hàng năm hay tỷ suất sinh lợi ổn định ở mức (2,98%) trong 5 đến 7 năm tới. Tình huống sau đây thể hiện loại bất thường nào?

A. Bất thường 3: Lợi thế của các cổ phiếu giá trị.

B. Bất thường 4: Quán tính giá và sự đảo ngược.

C. Bất thường 1: Phản ứng chậm với các công bố về thu nhập.

D. Bất thường 2: Hiệu ứng công ty nhỏ.

ANSWER: A

Câu 31: Bạn đang cân nhắc có nên đầu tư vào 2 chứng khoán: A và B. Hai chứng khoán A, B có hệ số Beta lần lượt là: 1,2 và 1,8; độ lệch chuẩn, tỷ suất sinh lợi ước tính lần lượt là: 0,45 và 0,5. Chứng khoán nào có rủi ro cao hơn?

A. Chứng khoán B

B. Chứng khoán A

C. Chưa thể kết luận

D. Cả 2 chứng khoán rủi ro như nhau.

ANSWER: A

Câu 32: Nhà đầu tư A đầu tư 1 loại chứng khoán trong ba năm với thông tin như sau: Giá mua chứng khoán ở thời điểm đầu năm là 35.000đồng/ cổ phiếu. Giá bán chứng khoán ở thời điểm cuối năm thứ 3 là 55.000đồng/ cổ phiếu. Cổ tức nhận được cố định cuối mỗi năm là 15%/ cổ phiếu, biết rằng mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng. Giá sử suất chiết khấu là 12%. Tính NPV, IRR?

- A. Đáp án khác.
- B. 6.803 đồng và 17,79%
- C. 6.803 đồng và 17,06%
- D. 7.555 đồng và 17,79%

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu hỏi + 2 điểm)

Câu hỏi 1: (1 điểm)

Anh/ Chị hãy trình bày hành vi của nhà đầu tư và nhà quản lý trong 2 tình huống: chứng khoán bị định giá cao và thấp hơn giá trị thật, giải thích cơ chế lựa chọn các hành vi đó.

Câu hỏi 2: (1 điểm)

Nhà đầu tư đang xem xét 2 công ty: công ty A (mã cổ phiếu: ABC), và công ty B (mã cổ phiếu: BCD) có hệ số beta lần lượt là 1,5 và 2,5. Lợi nhuận phi rủi ro là 6% và tỷ suất sinh lời kỳ vọng thị trường là 12%. Giả sử nhà đầu tư lập danh mục đầu tư gồm 50% vào cổ phiếu ABC, 50% vào cổ phiếu BCD, hệ số tương quan là 0,6, độ lệch chuẩn của cổ phiếu ABC và BCD lần lượt là: 0,3 và 0,25.

Tính:

- a/ Lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư?
 - b/ Độ lệch chuẩn của danh mục đầu tư?
-

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8,0	
Câu 1 – 32		0,25/câu	
II. Tự luận		2,0	
Câu 1	<p>Tình huống 1: Khi chứng khoán bị định giá cao:</p> <p>Nhà đầu tư: bán khống, sinh viên giải thích</p> <p>Nhà quản lý: phát hành thêm chứng khoán, sinh viên giải thích</p> <p>Tình huống 2: Khi chứng khoán bị định giá thấp:</p> <p>Nhà đầu tư: kinh doanh chênh lệch giá, sinh viên giải thích</p> <p>Nhà quản lý: mua lại chứng khoán, sinh viên giải thích</p>	1,0	
Câu 2	<p>a/ Lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư:</p> <p>Tỷ suất sinh lời kỳ vọng của cổ phiếu ABC ($E(R_{ABC})$) được tính theo</p> $E(R_{ABC}) = R_f + \beta_{ABC} \times (E(R_M) - R_f)$ $E(R_{ABC}) = 6\% + 1,5 \times (12\% - 6\%) = 6\% + 1,5 \times 6\%$ <p>Tỷ suất sinh lời kỳ vọng của cổ phiếu BCD ($E(R_{BCD})$) được tính theo</p> $E(R_{BCD}) = R_f + \beta_{BCD} \times (E(R_M) - R_f)$ $E(R_{BCD}) = 6\% + 2,5 \times (12\% - 6\%) = 6\% + 2,5 \times 6\%$ <p>Tỷ suất sinh lời kỳ vọng của danh mục đầu tư ($E(R_p)$) được tính theo</p> $E(R_p) = w_{ABC} \times E(R_{ABC}) + w_{BCD} \times E(R_{BCD})$ $E(R_p) = 0,5 \times 15\% + 0,5 \times 21\% = 7,5\% + 10,5\% = 18\%$	1,0	

	<p>b/ Độ lệch chuẩn của danh mục đầu tư:</p> <p>Độ lệch chuẩn của danh mục đầu tư (σ_p) được tính theo công thức:</p> $\sigma_p = \sqrt{w_{ABC}^2 \times \sigma_{ABC}^2 + w_{BCD}^2 \times \sigma_{BCD}^2 + 2 \times w_{ABC} \times w_{BCD} \times \sigma_{AB}}$ $\sigma_p = \sqrt{0,5^2 \times 0,3^2 + 0,5^2 \times 0,25^2 + 2 \times 0,5 \times 0,5 \times 0,3 \times 0,25}$ $\sigma_p = \sqrt{0,225 + 0,0625 + 0,15}$ $\sigma_p = \sqrt{0,4375}$ $\sigma_p \approx 0,6614$		
	Điểm tổng	10,0	

Người duyệt đề



TS Phạm Thị Hồng Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 07 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Ngọc Tú Vân